qualification Vietnam 01

education program 1 — Groupe A

T/S No.	name	first name	group	lever roule	lever roule Torq	RPM calculation	cutting speed cal	Nm	cutting calculatic	Machine Calculat	turntool 01	turntool 02	turntool 03	feed calculation	mous technical ir	formula help	formula informat	specific gravity	bolt, friction	mm/2, torq	temperature	horsepower	pressure	water level	Newton	efficiency	electro motor	electro motor	electro motor da	painting	inch, PS, pound	flying start	tolerance	center high lathe	programing help	programing help	EV surface	EV steel	EV screw, bolt	EV heat treadtme	EV thread inform	EV technical drav	auto scetch T1	auto scetch T2	auto scetch T3	total
				Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	
				1_A	2_A	3_a	3_b1	1_b	3_b6	4_c1	4_a	4_b	4_C	5_a	6_a2	6_b	6_a3	8_a	9_a	11_a	10_a	12_a	13_a	14_a	15_a	16_a	17_a	17_c	17_c1	18_a	19_a1	19_b1		33_a	34_a1	34_b2	19_g	19_h	19_i	19_j	19_k	19_l	8a	8a	8a	
T1	Mister Voung	Nguyen Van (Robi)		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1		1	1			1	1	1	1			1	1												10	32
T2	Mister Sang	Nguyen Van (Smus)		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1		1	1			1	1	1	1			1	1												12	34
T3	Mister Phuong	Đinh Bà Ha (Jerry)		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1		1	1			1	1	1	1			1	1												8	30
T4	Mister.Trang	Nguyễn Đức (David)	out	1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1		1	1										1												6	23
T5	Ms.Lien	Tran Thi Hong	out																																								1	1
A1	Ngô Bá Quyền	Anh	1						1		1	1	1		1			1						1	1					1														9
A2	Lê Văn	Ba	1						1		1	1	1		1			1						1	1	1	1			1	1												12	12
A3	Nguyễn Quang	Chung	2						1		1	1	1		1			1						1	1	1	1			1	1												12	12
A4	Đoàn Văn	Đại	2						1		1	1	1		1			1						1	1	1	1			1	1												12	12
A5	Vy Công	Định	3						1		1	1	1		1			1						1	1	1	1			1	1												12	12
A6	Nguyễn Văn	Dục	3						1		1	1	1		1			1						1	1	1	1			1	1												12	12
A7	Nguyễn Văn	Đức	4						1		1	1	1		1			1						1	1	1	1			1	1												12	12
A8	Lê Nguyễn Khắc	Hận	4						1		1	1	1		1			1						1	1	1	1			1	1												12	12
A9	Vũ Đình	Hiếu	5						1		1	1	1		1			1						1	1	1	1			1	1												12	12
A10	Nguyễn Văn	Hùng	5						1		1	1	1		1			1						1	1	1	1			1	1												12	12
A11	Đỗ Duy	Khánh	6						1		1	1	1		1			1						1	1	1	1			1	1												12	12
A12	Đỗ Văn	Tập	6						1		1	1	1		1			1						1	1					1													12	9
A13	Nguyễn Đình	Thành	7						1		1	1	1		1			1						1	1	1	1			1	1												12	12
A14	Vũ Đức	Trí	7						1		1	1	1		1			1						1	1					1													12	9
A15	Lê Nguyễn Dy	Truyền	8						1		1	1	1		1			1						1	1	1	1			1	1												12	12
A16	Nguyễn Như	Bình	out																																								0	0
A17	Đoàn Huy	Hoàng	9						1		1	1	1		1			1						1	1	1	1			1	1												12	12
A18	Phạm Công	Sơn	9						1		1	1	1		1			1						1	1	1	1			1	1												12	12
A19	Thái Thanh	Hùng	10						1		1	1	1		1			1						1	1	1	1			1	1												12	12
A20	Hoàng Thông	Thái	out																																								0	0
A21	Lê Đình Ngọc	Khánh	out																																								0	0
A22	Nguyễn Hoàng	Long	out																																								0	0
A23	Nguyễn Đình	Nhật	10						1		1	1	1		1			1						1	1	1				1	1												11	11
A24	Trần Văn	Phượng	10						1		1	1	1		1			1						1	1	1				1	1												11	11
A25	Nguyễn Minh	Quận	10						1		1	1	1		1			1						1	1	1				1	1												11	11

qualification teachers and students — responsible — Hanspeter Widmer — WIAP KFKOK Education-Programm

vietnam school — control 1: — Sven Widmer — education for every boo

von 2: — Iris Widmer

Design HP Widmer

qualification Vietnam 01

specific training — Groupe A

L Nr.	name	first name	Teach-Gruppe Programm	RPM calculation Wi_8_f_ 3_b2	cooling water Wi_8_f_ -4_F	Sketch Sunil 1 Wi_8_f_ 8_a1	Sketch Sunil 2 8_a2	Sketch Sunil 3 Wi_8_f_ 8_a3	Sketch Sunil 4 Wi_8_f_ 8_a4	formula help sheet Wi_8_f_8b 8_b	waterlevel Wi_8_f_ 14_b1 + a	angle calculation Wi_8_f_ 16_c1	tolerance Wi_8_f_ 19_b3	tolerance Wi_8_f_ 19_b4	tolerance Wi_8_f_ 19_b5	ball screw Wi_8_f_ 19_C1	lubrication 1 Wi_8_f_ 19_d1	lubrication 2 Wi_8_f_ 19_d2	oil informations Wi_8_f_ 19_d5	lubrication Wi_8_f_ 19_d6	measure Wi_8_f_ 19_f1	steel information Wi_8_f_ h1_xx	ball screw Wi_8_f_ 19_c1	ball screw Wi_8_f_ 19_c2	lubrication 1 Wi_8_f_ 19_d2 + d1	lubrication 2 Wi_8_f_ 19_d3	lubrication 3 Wi_8_f_ 19_	oil information Wi_8_f_ 19_d5	Wi_8_f_ 17_a3	spindle 1 to 3 Wi_8_f_ 19_e1/e3/e5	EV welding Wi_8_f 18_d	EV spear Wi_8_f 19_f	EV spear Wi_8_f 19_f	EV boring Wi_8_f 19_e	EV measuring Wi_8_f 19_f	total
T1	Mister Voung	Nguyen Van (Robi)			1																															33
T2	Mister Sang	Nguyen Van (Smus)			1																															35
T3	Mister Phuong	Đinh Bà Ha (Jerry)			1																															31
T4	Mister.Trang	Nguyễn Đức (David)	out		1																															24
T5	Ms.Lien	Tran Thi Hong	out																																	1
A1	Ngô Bá Quyền	Anh																																		9
A2	Lê Văn	Ba																																		12
A3	Nguyễn Quang	Chung																																		12
A4	Đoàn Văn	Đại																																		12
A5	Vy Công	Định																																		12
A6	Nguyễn Văn	Dục																																		12
A7	Nguyễn Văn	Đức																																		12
A8	Lê Nguyễn Khắc	Hận																																		12
A9	Vũ Đình	Hiếu																																		12
A10	Nguyễn Văn	Hùng																																		12
A11	Đỗ Duy	Khánh																																		12
A12	Đỗ Văn	Tập																																		9
A13	Nguyễn Đình	Thành																																		12
A14	Vũ Đức	Trí																																		9
A15	Lê Nguyễn Dy	Truyền																																		12
A16	Nguyễn Như	Bình																																		0
A17	Đoàn Huy	Hoàng																																		12
A18	Phạm Công	Sơn																																		12
A19	Thái Thanh	Hùng																																		12
A20	Hoàng Thông	Thái	out																																	0
A21	Lê Đình Ngọc	Khánh	out																																	0
A22	Nguyễn Hoàng	Long	out																																	0
A23	Nguyễn Đình	Nhật																																		11
A24	Trần Văn	Phượng																																		11
A25	Nguyễn Minh	Quận																																		11

qualification teachers and students	responsible:	Hanspeter Widmer	WIAP KFKOK Education program	-
vietnam school	control 1:	Sven Widmer	education for every body	
	control 2:	Iris Widmer		Design HP Widmer

qualification Vietnam 01

practical training — **Groupe A**

L Nr.	name	first name	Grup	practical work 1	practical work 1	practical work 1	practical work 2	practical work 2	practical work 2	practical work 4	practical work 4b	practical work 5	montage 3	montage 3	montage 3	montage 6a	montage a3	painting 3b	pneumatic 6a	hydraulic 6a	lubrication 6a	setting up test	setting up test	PLC	PLC	CNC control	CNC program	CNC program	maintenance	maintenance	maintenance	maintenance	maintenance	maintenance	maintenance	maintenance	maintenance	maintenance	maintenance	maintenance	maintenance	maintenance	maintenance	maintenance	maintenance	maintenance	read drawings	CAD Sketch	office				total
			Teach-Gruppe	weld	cut, bend	grind	mill	turn	drill	saw	filing; painting	scrape	guide	slide	cover	electro cabinet	cable installation				tool machine	feed motot	spindle motor	read and analyce	programing	backup	read	create	cleaning mechanic	electric cleaning	visual V	service E	inspection A	oil and fliter	bearing replaceme	guides and slides	repair gearbox	spindle bore	hydraulic	pneumatic	mechanical	electrical	both; mech. and e	wiring diagram	machines	store program				
				8f	8f	8f	8f	8f	8f	8f	8f	8f	8f	8f	8f	8f	8f	8f	8f	8f	8f	8f	8f	8f	8f	8f	8f	8f	8f	8f	8f	8f	8f	8f	8f	8f	8f	8f	8f	8f	8f	8f	8f							
T1	Mister Voung	Nguyen Van (Robi)				8	10	10	10												1	1	1	1	1	1	1	7	1	1	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1								99
T2	Mister Sang	Nguyen Van (Smus)				10	8	8	8												1	1	1	1	1	1	1	5	1	1	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1								95
T3	Mister Phuong	Đinh Bà Ha (Jerry)				8	6	6	6												1	1	1	1	1	1	1	3	1	1	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1								81
T4	Mister.Trang	Nguyễn Đức (David)	out																																													24
T5	Ms.Lien	Tran Thi Hong	out																																													1
A1	Ngô Bá Quyền	Anh		17		2																																										28
A2	Lê Văn	Ba		11		1					8																																					32
A3	Nguyễn Quang	Chung		2		1					8					11																																34
A4	Đoàn Văn	Đại		2							8					11																																33
A5	Vy Công	Định					2	2	2										14																														32
A6	Nguyễn Văn	Dục					2	2	2										14																														32
A7	Nguyễn Văn	Đức		11						2																																							25
A8	Lê Nguyễn Khắc	Hận		11						2																																						25
A9	Vũ Đình	Hiếu				1		2	1				10	10																																		36
A10	Nguyễn Văn	Hùng		11		1	2	4	2	2		9																																				43
A11	Đỗ Duy	Khánh									1																																						13
A12	Đỗ Văn	Tập							1			3				1																																14
A13	Nguyễn Đình	Thành						2	2			9																																				25
A14	Vũ Đức	Trí														4																																13
A15	Lê Nguyễn Dy	Truyền				1		2	1				10	10																																		36
A16	Nguyễn Như	Bình																																														0
A17	Đoàn Huy	Hoàng								2			10	10																																		34
A18	Phạm Công	Sơn											10	10																																		32
A19	Thái Thanh	Hùng						2	2			9																																				25
A20	Hoàng Thông	Thái	out																																														0
A21	Lê Đình Ngọc	Khánh	out																																														0
A22	Nguyễn Hoàng	Long	out																																															0
A23	Nguyễn Đình	Nhật				1																																											12
A24	Trần Văn	Phượng						1			1		10	10																																			33
A25	Nguyễn Minh	Quận														20																																		31

qualification teachers and students — responsible: Hanspeter Widmer — WIAP KFKOK Education-Programm

vietnam school — control 1: Sven Widmer — education for every body

control 2: Iris Widmer

Design HP Widmer

qualification Vietnam 01

Test and various — Groupe A

L Nr.	name	first name	Gruppe	teacher group	working speed	working speed	administration	administration	working place				teacher experience	teacher experience	teacher experience	teacher experience	foto reportage		first aid CH	teacher manual	teacher manual	test XY01	Test XY02	Test XY03	Test XY04	Test XY05	Test XY06	Test XY07	Test XY08	Test XY09	Test XY010	Test XY011		EP_test_Mod. 01	EP_test_Mod 02	EP_test_Mod 03	EP_test_Mod 04	EP_test_Mod 05	EP_test_Mod. 06	EP_test_Mod 07			certificate	certificate	certificate LE02	certificate LE01	certificate LE01	self certification	total
					mecanical	electrical	manual	PC	cleanness				2011	2010	2009	each year 1 point				2009	2008	Wi_8_f_45_e00	Wi_8_f_45_e0	Wi_8_f_45_e1	Wi_8_f_45_e3	Wi_8_f_45_e5	Wi_8_f_45_e6	Wi_8_f_45_e7	Wi_8_f_45_e8	Wi_8_f_45_e9	Wi_8_f_45_e10	Wi_8_f_45_e11											SWISS 2009	Semester 1-5	SWISS 2008 97d2	Wi_8_f_97a	Wi_8_f_98_e	
T1	Mister Voung	Nguyen Van (Robi)			17	4	14	14	10				10	10		3	20					19	16	12						13													20	20	301
T2	Mister Sang	Nguyen Van (Smus)			15	3	12	14	10				9	9		4	18					19	15	14						14													20	20	290,5
T3	Mister Phuong	Đinh Bà Ha (Jerry)			15	3	12	14	10				9	9		5	18					19	16	12						14													20	20	277
T4	Mister.Trang	Nguyễn Đức (David)	out		15	3	12	14					9	9			18					17	9	8																			20	158
T5	Ms.Lien	Tran Thi Hong	out										3				10					19	16	6																			20	74,5
																																													0
																																													0
A1	Ngô Bá Quyền	Anh																				19	14	2	10					6													20	98,5
A2	Lê Văn	Ba																					12		12					6													20	82
A3	Nguyễn Quang	Chung																				18	4	3	6					10													20	95
A4	Đoàn Văn	Đại																				19	14	4	10					6													20	105,5
A5	Vy Công	Định																				18	14	2	10					10													20	106
A6	Nguyễn Văn	Dục																				17	13	2	8					9													20	101
A7	Nguyễn Văn	Đức																				18	11	2	8					8													20	92
A8	Lê Nguyễn Khắc	Hận																					11	0	8					9													20	73
A9	Vũ Đình	Hiếu																				17	13		8					9													20	103
A10	Nguyễn Văn	Hùng																				19	14	4	10					10													20	119,5
A11	Đỗ Duy	Khánh																				17	9	4	8					10													20	81
A12	Đỗ Văn	Tập																				16	13		12					8													20	83
A13	Nguyễn Đình	Thành																					13	0	8					9													20	75
A14	Vũ Đức	Trí																				17	13	2	8					10													20	83
A15	Lê Nguyễn Dy	Truyền																				15	13	0	8,5					8													20	100,5
A16	Nguyễn Như	Bình	out																				10		20																	20	50
A17	Đoàn Huy	Hoàng																				18	1		20					6													20	99
A18	Phạm Công	Sơn																					12		20					8													20	92
A19	Thái Thanh	Hùng																					7	0	20																	20	72
A20	Hoàng Thông	Thái	out																																							20	20
A21	Lê Đình Ngọc	Khánh	out																			18	7	3	5																	20	53
A22	Nguyễn Hoàng	Long	out																				13	2	10																	20	45
A23	Nguyễn Đình	Nhật																				16	10		15					11													20	83,5
A24	Trần Văn	Phượng																					7	2						7													20	69
A25	Nguyễn Minh	Quận																					13		16					7													20	87

	qualification teachers and students			responsible:									Hanspeter Widmer								WIAP KFKOK Education-Programm																								-		
	vietnam school			control 1:									Sven Widmer								education for every boo																										
				control 2:									Iris Widmer																																Design HP Widmer		

qualification Vietnam 01

	Teach-Gruppe	VN-Modul x	VN-Modul 2x	VN-Modul 3x	VN Module 4x	VN Modul 05	VN Modul 06	Module 7x	VN Modul 08	VN Modul 09	VN Modul 10	VN Modul 11	VN Modul 12	VN Modul 13	VN Modul 14	VN Module 15x	VN Modul 16	VN-Modul 17 X	VN Module 18x	VN Module 19x	VN Module 20x	VN Module 21x	VN Module 22x	VN Module 23x	VN Module 24x	VN Module 25x	VN Module 26x	VN Module 27x	VN Module 28x	VN Module 29x	VN Module 30x	VN Module 31x	VN Module 32x	VN Module 33x	VN Module 34x	VN Module 35x			VN english status english	VN english from	VN english	VN english	VN english			total

test and various

Groupe A

L Nr.	name	first name		politics	law	military	GVE	informatic	english VN school	electrical engineering	mechanical engineering	Engenierings Werkstoff	tolerance measuring	technical drawing	technical drawing CAD	technical safety and labor protection	metal cutting	cold work	basic lathe	long turning	assemble turning	inside turning	cone turning	angular thread turning	motion thread turning	shaped turning	complex turning	CNC turning	processing surface on the planer	processing groove and bevel on the planer	surface milling	processing groov and bevel on the milling	processing bearing and rack bar on the mill	processing grinding	processing circular face on the grinding	CNC milling	sharp milling	bore hole on the universal boring mac			Mai 11	teacher							
T1	Mister Voung	Nguyen Van (Robi)																																					8								309
T2	Mister Sang	Nguyen Van (Smus)																																					6								296,5
T3	Mister Phuong	Đinh Bà Ha (Jerry)																																					4								281
T4	Mister.Trang	Nguyễn Đức (David)	out																																				3								161
T5	Ms.Lien	Tran Thi Hong	out																																				2								76,5
																																															0
																																															0
A1	Ngô Bá Quyền	Anh						14			11	11	10	10	12	12	13																								8								199,7
A2	Lê Văn	Ba						14			16	14	17	12	15	14	15																								10								209,8
A3	Nguyễn Quang	Chung						12			0	6,2	12	10	11	13	4,8																								8								171
A4	Đoàn Văn	Đại						15			14	14	14	15	18	16	15																								16								242,1
A5	Vy Công	Định						16			13	16	17	12	17	16	14																								16								243
A6	Nguyễn Văn	Dục						13			12	14	16	11	16	16	12																								12								222
A7	Nguyễn Văn	Đức						12			12	13	12	10	13	14	13																								10								202,2
A8	Lê Nguyễn Khắc	Hận						13			13	17	17	13	15	17	15																								14								205,4
A9	Vũ Đình	Hiếu						14			13	15	19	11	15	14	14																								12								230,8
A10	Nguyễn Văn	Hùng						12			12	12	13	13	14	14	13																								16								237,5
A11	Đỗ Duy	Khánh						13			13	14	14	10	15	13	13																								12								197,8
A12	Đỗ Văn	Tập						15			14	15	18	12	15	14	14																								10								208
A13	Nguyễn Đình	Thành						15			13	16	17	12	15	15	12																								12								200,8
A14	Vũ Đức	Trí						14			0	10	14	10	15	11	4																								10								171
A15	Lê Nguyễn Dy	Truyền						14			14	15	17	13	15	15	15																								16								234,9
A16	Nguyễn Như	Bình	out																																				8								58
A17	Đoàn Huy	Hoàng						15			11	11	10	11	15	11	13																								10								206,8
A18	Phạm Công	Sơn						10			13	15	15	10	15	14	14																								10								207,2
A19	Thái Thanh	Hùng						13			14	14	11	11	13	14	13																								10								183,6
A20	Hoàng Thông	Thái	out																																													20
A21	Lê Đình Ngọc	Khánh	out																																				12								65
A22	Nguyễn Hoàng	Long	out																																				13								58
A23	Nguyễn Đình	Nhật						12			11	10	10	10	11	12	11																								10								181
A24	Trần Văn	Phượng						12			12	13	12	12	14	15	12																								12								183,6
A25	Nguyễn Minh	Quận						15			13	15	18	14	15	14	13																								16								219,6

	qualification teachers and students			responsible:										Hanspeter Widmer																																		
	vietnam school			control 1:										Sven Widmer																																		
				control 12:										Iris Widmer																																		

WIAP KFKOK Education-Programm

education for every body

Design HP Widmer

qualification Vietnam 01

test and various

Groupe A

L Nr.	name	first name	Grupp	Teach-Gruppe	failure time Semester 1	failure time Semester 2	failure time Semester 3	failure time Semester 4	failure time Semester 5	failure time Semester 6	failure time Semester 7	failure time Semester 8		Tagebuch Semester 1	Tagebuch Semester 2	Tagebuch Semester 3	Tagebuch Semester 4	Tagebuch Semester 5	Tagebuch Semester 6	Tagebuch Semester 7	Tagebuch Semester 8	Englisch test 01 Englisch Test XY50	Englisch Test 02 Englisch Test XY51	Englisch Test 03 Englisch Test XY53	Englisch Blatt handtools Wi_8_f_51_e_180	Englisch Blatt handtools Wi_8_f_51_e_181	Englisch Blatt handtools Wi_8_f_51_e_182	failure time	Messe Saigon 8.07.11	Gesamt
T1	Mister Voung	Nguyen Van (Robi)												0											1	1	1			312
T2	Mister Sang	Nguyen Van (Smus)												0											1	1	1			299,5
T3	Mister Phuong	Đinh Bà Ha (Jerry)												0											1	1	1			284
T4	Mister.Trang	Nguyễn Đức (David)	out																											161
T5	Ms.Lien	Tran Thi Hong	out																											76,5
																														0
																														0
A1	Ngô Bá Quyền	Anh			0	-12								0									8			1	1	1			198,7
A2	Lê Văn	Ba			0	-7								0									11	18		1	1	1			234,8
A3	Nguyễn Quang	Chung			0	-23								0									10	11		1	1	1			172
A4	Đoàn Văn	Đại			0	-5								0									5	19		1	1	1			264,1
A5	Vy Công	Định			0	0								0									9	14		1	1	1			269
A6	Nguyễn Văn	Dục			0	0								0									8	19		1	1	1			252
A7	Nguyễn Văn	Đức			0	0								0									10	15		1	1	1			230,2
A8	Lê Nguyễn Khắc	Hận			0	0								0									8	16		1	1	1			232,4
A9	Vũ Đình	Hiếu			0	-3								0									15	20		1	1	1			265,8
A10	Nguyễn Văn	Hùng			0	-4								0									10	20		1	1	1			266,5
A11	Đỗ Duy	Khánh			0	-16								0									5	13		1	1	1			202,8
A12	Đỗ Văn	Tập			0	-15								0									10	17		1	1	1			223
A13	Nguyễn Đình	Thành			0	0								0										15		1	1	1			218,8
A14	Vũ Đức	Trí			0	-8								0									11	14		1	1	1			191
A15	Lê Nguyễn Dy	Truyền			0	-4								0									12	18		1	1	1			263,9
A16	Nguyễn Như	Bình			0	-6								0																52
A17	Đoàn Huy	Hoàng			0	-7								0									8	13		1	1	1			223,8
A18	Phạm Công	Sơn			0	-10								0									12	19		1	1	1			231,2
A19	Thái Thanh	Hùng			0	-7								0										17		1	1	1			196,6
A20	Hoàng Thông	Thái	out		0	-1								0																19
A21	Lê Đình Ngọc	Khánh	out		0	0								0																65
A22	Nguyễn Hoàng	Long	out		0	-3								0																55
A23	Nguyễn Đình	Nhật			0	-3								0									8			1	1	1			189
A24	Trần Văn	Phượng			0	-7								0									9	17		1	1	1			205,6
A25	Nguyễn Minh	Quận			0	-2								0									9	16		1	1	1			245,6
nachgetragen 14.10.11 iw																														

qualification teachers and students | responsible: Hanspeter Widmer | WIAP KFKOK Education-Programm

vietnam school | control 1: Sven Widmer | education for every body

control 2: Iris Widmer

Design HP Widmer

qualification Vietnam 01

Teach-Gruppe

Handy-Nummer

Info Datenblatt

various **Groupe A**

L Nr.	name	first name		
L_T1_G1	Mister Voung	Nguyen Van (Robi)		+84983103914
L_T2_G2	Mister Sang	Nguyen Van (Smus)		0982593492
L_T3_G3	Mister Phuong	Đinh Bà Ha (Jerry)		097 36 70 979
T4	Mister.Trang	Nguyễn Đức (David)	out	
T5	Ms.Lien	Tran Thi Hong	out	
A1	Ngô Bá Quyền	Anh		097 868 96 92
A2	Lê Văn	Ba		092 214 75 45
A3	Nguyễn Quang	Chung		
A4	Đoàn Văn	Đại		097 925 17 24
A5	Vy Công	Định		061 875 805 01
A6	Nguyễn Văn	Dục		9 8 (4730210
A7	Nguyễn Văn	Đức		0167 782 0775
A8	Lê Nguyễn Khắc	Hận		0169 307 51 59
A9	Vũ Đình	Hiếu		0908941065
A10	Nguyễn Văn	Hùng		
A11	Đỗ Duy	Khánh		0984345020
A12	Đỗ Văn	Tập		097333 4290
A13	Nguyễn Đình	Thành		01663258259
A14	Vũ Đức	Trí		093 9406388
A15	Lê Nguyễn Dy	Truyền		01634664946
A16	Nguyễn Như	Bình	out	01639736660
A17	Đoàn Huy	Hoàng		0915393878
A18	Phạm Công	Sơn		01697684876
A19	Thái Thanh	Hùng		0909505702
A20	Hoàng Thông	Thái	out	
A21	Lê Đình Ngọc	Khánh	out	0612655931
A22	Nguyễn Hoàng	Long	out	01668011223
A23	Nguyễn Đình	Nhật		01677035050
A24	Trần Văn	Phượng		01647967728
A25	Nguyễn Minh	Quận		

qualification teachers and students

vietnam school

HP Widmer +84 129 240 36 47

responsible: Hanspeter Widmer

control 1: Sven Widmer

control 2: Iris Widmer

WIAP KFKOK Education-Programm

education for every body

Iris Widmer +84 129 240 36 48

Design HP Widmer

qualification Vietnam 01

education program 1 | **Groupe B**

T/S No.	name	first name	group	lever roule	lever roule Torq	RPM calculation	cutting speed cal	Nm	cutting calculatic	Machine Calculat	turntool 01	turntool 02	turntool 03	feed calculation	mous technical ir	formula help	formula informat	specific gravity	bolt, friction	mm/2, torq	temperature		horsepower	pressure	water level	Newton	efficiency	electro motor	electro motor	electro motor da	painting	inch, PS, pound	flying start	tolerance	center high lathe	programing help	programing help			EV surface	EV steel	EV screw, bolt	EV heat treadtme	EV thread inform	EV technical draw	auto scetch T1	auto scetch T2	auto scetch T3	total
				Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_		Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_			Wi_8_f	Wi_8_f	Wi_8_f	Wi_8_f	Wi_8_f	Wi_8_f	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	
				1_A	2_A	3_a	3_b1	1_b	3_b6	4_c1	4_a	4_b	4_C	5_a	6_a2	6_b	6_a3	8_a	9_a	11_a	10_a		12_a	13_a	14_a	15_a	16_a	17_a	17_c	17_c1	18_a	19_a1	19_b1		33_a	34_a1	34_b2			19_g	19_h	19_i	19_j	19_k	19_l	8a	8a	8a	
																																															0
																																															0
																																															0
																																															0
																																															0
B1	Ngô Bá	Biết																																														
B2	Trần Văn	Điệp																																													0
B3	Vũ Văn	Dũng																																													0
B4	Hà Văn	Hoàng																																													0
B5	Nguyên Phi	Hùng																																													0
B6	Trần Văn	Hưng																																													0
B7	Nguyễn Minh	Lệ																																														0
B8	Nguyên Trọng	Linh																																														0
B9	Nguyên Thành	Luân																																														0
B10	Nguyên Lương	Phú																																														0
B11	Trần Mạnh	Quốc																																														0
B12	Đỗ Văn	Quyên																																														0
B13	Hà Ngọc	Sơn																																														0
B14	Trịnh Xuân	Sơn																																														0
B15	Nguyễn Đức	Tâm																																														0
B16	Lê Văn	Thành																																														0
B17	Trần Văn	Thiết																																														0
B18	Phạm Văn	Thinh																																															0
B19	Nguyễn Bá	Tình																																															0
B20	Phan Thanh	Tịnh																																															0
B21	Nguyễn Anh	Tuấn																																															0
B22	Đỗ Minh	Tùng																																															0
B23	Phạm Duy	Khánh																																															0
B24	Phạm Trung	Trực																																															0
B25	Phạm Nhựt	Điền																																															0
	qualification teachers and students			responsible										Hanspeter Widmer									WIAP KFKOK Education-Programm																												
	vietnam school			control 1:										Sven Widmer									education for every boc																												
				von 2:										Iris Widmer																																		Design HP Widmer			

qualification Vietnam 01

specific training

Groupe B

L Nr.	name	first name	Teach-Gruppe	Programm	RPM calculation	cooling water	Sketch Sunil 1	Sketch Sunil 2	Sketch Sunil 3	Sketch Sunil 4											formula help sheet	waterlevel	angle calculation	tolerance	tolerance	tolerance	ball screw	lubrication 1	lubrication 2	oil informations	lubrication	measure	steel information	ball screw	ball screw	lubrication 1	lubrication 2	lubrication 3	oil information	spindle 1 to 3					EV welding	EV spear	EV spear	EV boring	EV measuring	total
					Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_		Wi_8_f_	Wi_8_f_											Wi_8_f_8b	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_	Wi_8_f_					Wi_8_f	Wi_8_f	Wi_8_f	Wi_8_f	Wi_8_f	
					3_b2	-4_F	8_a1	8_a2	8_a3	8_a4											8_b	14_b1 + a	16_c1	19_b3	19_b4	19_b5	19_C1	19_d1	19_d2	19_d5	19_f1	h1_xx	19_c1	19_c2	19_d2 + d1	19_d3	19_	19_d5	17_a3	19_e1/e3/e5					18_d	19_f	19_f	19_e	19_f	
																																															0
																																															0
																																															0
																																															0
																																															0
B1	Ngô Bá	Biết																																													
B2	Trần Văn	Điệp																																													0
B3	Vũ Văn	Dũng																																													0
B4	Hà Văn	Hoàng																																													0
B5	Nguyễn Phi	Hùng																																													0
B6	Trần Văn	Hưng																																													0
B7	Nguyễn Minh	Lệ																																													0
B8	Nguyễn Trọng	Linh																																													0
B9	Nguyễn Thành	Luân																																													0
B10	Nguyễn Lương	Phú																																													0
B11	Trần Mạnh	Quốc																																													0
B12	Đỗ Văn	Quyền																																													0
B13	Hà Ngọc	Sơn																																													0
B14	Trịnh Xuân	Sơn																																														0
B15	Nguyễn Đức	Tâm																																														0
B16	Lê Văn	Thành																																														0
B17	Trần Văn	Thiết																																														0
B18	Phạm Văn	Thinh																																															0
B19	Nguyễn Bá	Tình																																															0
B20	Phan Thanh	Tịnh																																															0
B21	Nguyễn Anh	Tuấn																																															0
B22	Đỗ Minh	Tùng																																															0
B23	Phạm Duy	Khánh																																															0
B24	Phạm Trung	Trực																																															0
B25	Phạm Nhựt	Điền																																															0
	qualification teachers and students				responsible:																Hanspeter Widmer																													
	vietnam school				control 1:																Sven Widmer																													
					control 2:																Iris Widmer																													

WIAP KFKOK Education program

education for every body

Design HP Widmer

qualification Vietnam 01

practical training

Groupe B

L Nr.	name	first name	Teach-Gruppe Grup	practical work 1 weld 8f	practical work 1 cut, bend 8f	practical work 1 grind 8f	practical work 2 mill 8f	practical work 2 turn 8f	practical work 2 drill 8f	practical work 4 saw 8f	practical work 4b filing, painting 8f	practical work 5 scrape 8f	montage 3 guide 8f	montage 3 slide 8f	montage 3 cover 8f	montage 6a electro cabinet 8f	montage a3 cable installation 8f	painting 3b 8f	pneumatic 6a 8f	hydraulic 6a 8f	lubrication 6a tool machine 8f	setting up test feed motot 8f	setting up test spindle motor 8f	PLC read and analyce 8f	PLC programing 8f	CNC control backup 8f	CNC program read 8f	CNC program create 8f	maintenance cleaning mechanic 8f	maintenance electric cleaning 8f	maintenance visual V 8f	maintenance service E 8f	maintenance inspection A 8f	maintenance oil and filter 8f	maintenance bearing replacement 8f	maintenance guides and slides 8f	maintenance repair gearbox 8f	maintenance spindle bore 8f	maintenance hydraulic 8f	maintenance pneumatic 8f	maintenance mechanical 8f	maintenance electrical 8f	maintenance both; mech. and e 8f	read drawings wiring diagram 8f	CAD Sketch machines	office store program			total
																																																	0
																																																	0
																																																	0
																																																	0
																																																	0
B1	Ngô Bá	Biết																																															
B2	Trần Văn	Điệp																																															0
B3	Vũ Văn	Dũng																																															0
B4	Hà Văn	Hoàng																																															0
B5	Nguyễn Phi	Hùng																																															0
B6	Trần Văn	Hưng																																															0
B7	Nguyễn Minh	Lê																																															0
B8	Nguyễn Trọng	Linh																																															0
B9	Nguyễn Thành	Luân																																															0
B10	Nguyễn Lương	Phú																																															0
B11	Trần Mạnh	Quốc																																															0
B12	Đỗ Văn	Quyền																																															0
B13	Hà Ngọc	Sơn																																															0
B14	Trịnh Xuân	Sơn																																															0
B15	Nguyễn Đức	Tâm																																															0
B16	Lê Văn	Thành																																															0
B17	Trần Văn	Thiết																																															0
B18	Phạm Văn	Thịnh																																															0
B19	Nguyễn Bá	Tình																																															0
B20	Phan Thanh	Tịnh																																															0
B21	Nguyễn Anh	Tuấn																																															0
B22	Đỗ Minh	Tùng																																															0
B23	Phạm Duy	Khánh																																															0
B24	Phạm Trung	Trực																																															0
B25	Phạm Nhựt	Điền																																															0
																																																	0

qualification teachers and students	responsible:	Hanspeter Widmer	WIAP KFKOK Education-Programm
vietnam school	control 1:	Sven Widmer	education for every body
	control 2:	Iris Widmer	Design HP Widmer

-

qualification Vietnam 01

Test and various — Groupe B

L Nr.	name	first name	teacher group Gruppe	working speed mecanical	working speed electrical	administration manual	administration PC	working place cleanness				teacher experience 2011	teacher experience 2010	teacher experience 2009	teacher experience each year 1 point	leader experience	foto reportage		first aid CH	teacher manual 2009	teacher manual 2008	test XY01 Wi_8_f_45_e00	Test XY02 Wi_8_f_45_e0	Test XY03 Wi_8_f_45_e1	Test XY04 Wi_8_f_45_e3	Test XY05 Wi_8_f_45_e5	Test XY06 Wi_8_f_45_e6	Test XY07 Wi_8_f_45_e7	Test XY08 Wi_8_f_45_e8	Test XY09 Wi_8_f_45_e9	Test XY010 Wi_8_f_45_e10	Test XY011 Wi_8_f_45_e11		EP_test_Mod. 01	EP_test_Mod 02	EP_test_Mod 03	EP_test_Mod 04	EP_test_Mod 05	EP_test_Mod. 06	EP_test_Mod 07			certificate	certificate SWISS 2009	certificate LE02 Semester 1-5	certificate LE01 SWISS 2008 97d2	certificate LE01 Wi_8_f_97a	self certification Wi_8_f_98_e	total
																																																0
																																																0
																																																0
																																																0
																																																0
																																																0
B1	Ngô Bá	Biết																																														0
B2	Trần Văn	Điệp																																														0
B3	Vũ Văn	Dũng																																														0
B4	Hà Văn	Hoàng																																														0
B5	Nguyễn Phi	Hùng																																														0
B6	Trần Văn	Hưng																																														0
B7	Nguyễn Minh	Lê																																														0
B8	Nguyễn Trọng	Linh																																														0
B9	Nguyễn Thành	Luân																																														0
B10	Nguyễn Lương	Phú																																														0
B11	Trần Mạnh	Quốc																																														0
B12	Đỗ Văn	Quyền																																														0
B13	Hà Ngọc	Sơn																																														0
B14	Trịnh Xuân	Sơn																																														0
B15	Nguyễn Đức	Tâm																																														0
B16	Lê Văn	Thành																																														0
B17	Trần Văn	Thiết																																														0
B18	Phạm Văn	Thịnh																																														0
B19	Nguyễn Bá	Tình																																														0
B20	Phan Thanh	Tịnh																																														0
B21	Nguyễn Anh	Tuấn																																														0
B22	Đỗ Minh	Tùng																																														0
B23	Phạm Duy	Khánh																																														0
B24	Phạm Trung	Trực																																														0
B25	Phạm Nhựt	Điền																																														0
																																																0
			Teach-Gruppe	VN-Modul x	VN-Modul 2x	VN-Modul 3x	VN Module 4x	VN Modul 05	VN Modul 06	Module 7x	VN Modul 08	VN Modul 09	VN Modul 10	VN Modul 11	VN Modul 12	VN Modul 13	VN Modul 14	VN Module 15x	VN Modul 16	VN-Modul 17 X	VN Module 18x	VN Module 19x	VN Module 20x	VN Module 21x	VN Module 22x	VN Module 23x	VN Module 24x	VN Module 25x	VN Module 26x	VN Module 27x	VN Module 28x	VN Module 29x	VN Module 30x	VN Module 31x	VN Module 32x	VN Module 33x	VN Module 34x	VN Module 35x			status english	VN english from	VN english	VN english	VN english	VN english			total

qualification teachers and students

vietnam school

responsible: Hanspeter Widmer

control 1: Sven Widmer

control 2: Iris Widmer

WIAP KFKOK Education-Programm

education for every boc

-

Design HP Widmer

test and various

Groupe B

	name	first name	politics	law	military	GVE	informatic	english VN school	electrical engineering	mechanical engineering	Engenierings Werkstoff	tolerance measuring	technical drawing	technical drawing CAD	technical safety and labor protection	metal cutting	cold work	basic lathe	long turning	assemble turning	inside turning	cone turning	angular thread turning	motion thread turning	shaped turning	complex turning	CNC turning	processing surface on the planer	processing groove and bevel on the planer	surface milling	processing groov and bevel on the milling	processing bearing and rack bar on the mill	processing grinding	processing circular face on the grinding	CNC milling	sharp milling	bore hole on the universal boring mac	Mai 11	teacher	
																																							0
																																							0
																																							0
																																							0
																																							0
																																							0
B1	Ngô Bá	Biết																																						0
B2	Trần Văn	Điệp																																						0
B3	Vũ Văn	Dũng																																						0
B4	Hà Văn	Hoàng																																						0
B5	Nguyễn Phi	Hùng																																						0
B6	Trần Văn	Hưng																																						0
B7	Nguyễn Minh	Lê																																						0
B8	Nguyễn Trọng	Linh																																						0
B9	Nguyễn Thành	Luân																																						0
B10	Nguyễn Lương	Phú																																						0
B11	Trần Mạnh	Quốc																																						0
B12	Đỗ Văn	Quyền																																						0
B13	Hà Ngọc	Sơn																																						0
B14	Trịnh Xuân	Sơn																																						0
B15	Nguyễn Đức	Tâm																																						0
B16	Lê Văn	Thành																																						0
B17	Trần Văn	Thiết																																						0
B18	Phạm Văn	Thịnh																																						0
B19	Nguyễn Bá	Tình																																						0
B20	Phan Thanh	Tịnh																																						0
B21	Nguyễn Anh	Tuấn																																						0
B22	Đỗ Minh	Tùng																																						0
B23	Phạm Duy	Khánh																																						0
B24	Phạm Trung	Trực																																						0
B25	Phạm Nhựt	Điền																																						0
																																							0
			responsible:										Hanspeter Widmer																											-	
			control 1:										Sven Widmer																												
			control 12:										Iris Widmer																											Design HP Widmer	

WIAP KFKOK Education-Programm

education for every body

qualification Vietnam 01

Groupe B

L Nr.		first name	Grupp	Teach-Gruppe	failure time	Semester 1	failure time	Semester 2	failure time	Semester 3	failure time	Semester 4	failure time	Semester 5	failure time	Semester 6	failure time	Semester 7	failure time	Semester 8		Tagebuch	Semester 1	Tagebuch	Semester 2	Tagebuch	Semester 3	Tagebuch	Semester 4	Tagebuch	Semester 5	Tagebuch	Semester 6	Tagebuch	Semester 7	Tagebuch	Semester 8	Englisch test 01	Englisch Test XY50	Englisch Test 02	Englisch Test XY51	Englisch Test 03	Englisch Test XY53	Englisch Blatt handtools	Wi_8_f_51_e_180	Englisch Blatt handtools	Wi_8_f_51_e_181	Englisch Blatt handtools	Wi_8_f_51_e_182	failure time	Messe Saigon 8.07.11	Gesamt
																																																					0
																																																					0
																																																					0
																																																					0
																																																					0
																																																					0
B1	Ngô Bá	Biết			-2																																															-2
B2	Nguyen	Tie Chuan																																																		0
B3	Vũ Văn	Dũng			-1																																															-1
B4	Hà Văn	Hoàng			-2																																															-2
B5	Nguyễn Phi	Hùng																																																		0
B6	Trần Văn	Hưng																																																		0
B7	Nguyễn Minh	Lê			-8																																															-8
B8	Nguyễn Trọng	Linh																																																		0
B9	Nguyễn Thành	Luân			-2																																															-2
B10	Cong Danh	Chung																																																			0
B11	Trần Mạnh	Quốc																																																		0
B12	Đỗ Văn	Quyền																																																		0
B13	Hà Ngọc	Sơn			-5																																															-5
B14	Trịnh Xuân	Sơn																																																		0
B15	Nguyễn Đức	Tâm																																																		0
B16	Dang	Khac Y																																																			0
B17	Trần Văn	Thiết			-1																																															-1
B18	Phạm Văn	Thịnh																																																		0
B19	Nguyễn Bá	Tình																																																		0
B20	Phan Thanh	Tịnh			-4																																															-4
B21	Nguyễn Anh	Tuấn																																																		0
B22	Đỗ Minh	Tùng			-1																																															-1
B23	Phạm Duy	Khánh			-2																																															-2
B24	Phạm Trung	Trực																																																			0
B25	Phạm Nhựt	Điền			-2																																															-2
																																																					0
	nachgetragen 14.10.11 iw																																																				
	qualification teachers and students				responsible:																	Hanspeter Widmer																						VIAP KFKOK Education-Programm												-	
	vietnam school				control 1:																	Sven Widmer																						education for every body													
					control 2:																	Iris Widmer																																	Design HP Widmer	

qualification Vietnam 01

Teach-Gruppe

Handy-Nummer

Info Datenblatt

various **Groupe B**

L Nr.	name	first name
B1	Ngô Bá	Biết
B2	Trần Văn	Điệp
B3	Vũ Văn	Dũng
B4	Hà Văn	Hoàng
B5	Nguyễn Phi	Hùng
B6	Trần Văn	Hưng
B7	Nguyên Minh	Lệ
B8	Nguyễn Trọng	Linh
B9	Nguyễn Thành	Luân
B10	Nguyễn Lương	Phú
B11	Trần Mạnh	Quốc
B12	Đỗ Văn	Quyền
B13	Hà Ngọc	Sơn
B14	Trịnh Xuân	Sơn
B15	Nguyễn Đức	Tâm
B16	Lê Văn	Thành
B17	Trần Văn	Thiết
B18	Phạm Văn	Thinh
B19	Nguyên Bá	Tinh
B20	Phan Thanh	Tịnh
B21	Nguyên Anh	Tuân
B22	Đô Minh	Tùng
B23	Phạm Duy	Khánh
B24	Phạm Trung	Trực
B25	Phạm Nhựt	Điền

qualification teachers and students

vietnam school

HP Widmer +84 129 240 36 47

responsible: Hanspeter Widmer

control 1: Sven Widmer

control 2: Iris Widmer

VIAP KFKOK Education-Programm

education for every body

Iris Widmer +84 129 240 36 48

-

Design HP Widmer